|  |
| --- |
| **Mẫu số 12.TACN** |

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐƠN GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG**

Số: #{fiSoGXN}

Kính gửi: **Cục Chăn nuôi**

|  |
| --- |
| 1. Bên bán hàng (hãng, nước): #{fiSellName} |
| 2. Địa chỉ, số điện thoại, số fax: #{fiSellAddress} #{fiSellTel} #{fiSellFax} |
| 3. Nơi xuất hàng: #{fiSellExport} |
| 4. Bên mua hàng: #{fiSellExport} |
| 5. Địa chỉ, số điện thoại, số fax: #{fiImporterAddress} #{fiImporterTel} #{fiImporterFax} |
| 6. Nơi nhận hàng: #{fiPurchReci} |
| 7. Thời gian nhập khẩu dự kiến: #{fiPurchFromDate} - #{fiPurchToDate} |
| **MÔ TẢ HÀNG HÓA** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên TACN** | **Mã số công nhận** | **Nhóm TACN** | **Loại TACN** | **Hãng sản xuất** | **Nước sản xuất** | **Khối lượng** | **Số lượng** |
| #{fiSTT} | #{fiProName} | #{fiProCode} | #{fiProNameNhom} | #{fiProNameLoai} | #{fiProMadeIn} | #{fiProCountryName} | #{fiProductKL} | #{fiProductSL} |

|  |
| --- |
| 8. Địa điểm tập kết hàng: #{fiAddressGath} |
| 9. Ngày đăng ký lấy mẫu đánh giá: Từ ngày #{fiRegSamFromDate} đến ngày #{fiRegSamToDate} |
| 10. Địa điểm đăng ký lấy mẫu đánh giá: #{fiAddressRegSample} |
| 11. Thông tin người liên hệ: #{fiContactName} |
| **DÀNH CHO CƠ QUAN KIỂM TRA** |
| 13. Yêu cầu đánh giá chỉ tiêu(2): Xem chi tiết phụ lục kèm theo  Biện pháp kiểm tra(3): #{fiLoaiHS} |
| 14. Đơn vị thực hiện đánh giá: |
| Đối với hàng nhập khẩu, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan. Sau đó doanh nghiệp phải xuất trình toàn bộ hồ sơ và hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan cho cơ quan đánh giá để được đánh giá chất lượng theo quy định |

(1)Ghi tên loại thức ăn chăn nuôi nhập khẩu. Thức ăn truyền thống, thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, nguyên liệu đơn, thức ăn dạng hỗn hợp, loại khác; trường hợp thức ăn truyền thống phải kèm theo bản mô tả chi tiết sản phẩm nhập khẩu (gồm: tên thương mại, bản chất sản phẩm).

(2)Tối thiêu 01 chỉ tiêu chất lương trong tiêu chuẩn công bố áp dụng và các chỉ tiêu an toàn theo quye định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

(3)Ghi "miễn kiểm tra" nếu lô hàng áp dụng chế độ miễn kiểm tra có thời hạn hoặc "kiểm tra theo điểm a khoản 2 Điều 18 của Nghị đinh này" hoặc "kiểm tra theo điểm b khoản 2 Điều 18 của Nghị định này".

|  |  |
| --- | --- |
| #{fiNoiXN} #{fiNgayXN} **TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA** *(ký tên, đóng dấu)*  **#{fiNguoiKy}** | #{fiSignAddressName} #{fiCreatedDate} **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU** *(ký tên, đóng dấu)*  **#{fiSignName}** |

**PHỤ LỤC**

Kèm theo Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng số ngày (thay thế Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng số mã hồ sơ)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên TACN** | **Chỉ tiêu phân tích** | **Hình thức công bố** | **Hàm lượng** | **Đơn vị tính** | **Ghi chú** |
| #{fiTenHangHoa} | #{fiTenChiTieu} | #{fiHinhThucCB} | #{fiHamLuong} | #{fiTenDVT} | #{fiGhiChu} |

**Lưu ý: Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp kết quả tự đánh giá sự phù hợp theo quy định về Cục Chăn nuôi thông qua hệ thống Một cửa Quốc gia.**